



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**PETAVATTHUPĀḶI**

**&**

**CHUYỆN NGẠ QUỶ**

## 2. 11.

344. Ahaṃ pure pabbajitassa bhikkhuno  
suttaṃ adāsiṃ<sup>1</sup> upagamma<sup>2</sup> yācitā,  
tassa vipāko vipulaphalupalabbhati<sup>3</sup>  
bahū<sup>4</sup> ca me upapajjare vatthakoṭiyo.
345. Pupphābhikiṇṇaṃ ramitaṃ vimānaṃ  
anekacittaṃ naranārisevitaṃ,  
sāhaṃ bhuñjāmi ca pārupāmi ca  
pahūtavittā<sup>5</sup> na ca tāva khīyati.
346. Tasseva kammassa vipākamanvayā<sup>6</sup>  
sukhañca sātāñca idhūpalabbhati,  
sāhaṃ gantvā punareva<sup>7</sup> mānusaṃ  
kāhāmi puññāni nayayyaputta maṃ.<sup>8</sup>
347. Satta tuvaṃ vassasatā idhāgatā  
jiṇṇā ca vuddhā ca tahiṃ bhavissasi,  
sabbeva te kālakatā ca ñātakā  
kiṃ<sup>9</sup> tattha gantvāna ito karissasi.<sup>10</sup>
348. Satteva vassāni idhāgatāya me  
dibbañca sukhañca samappitāya,  
sāhaṃ gantvā punareva<sup>11</sup> mānusaṃ  
kāhāmi puññāni nayayyaputta man 'ti.
349. So taṃ gahetvāna pasayha bāhāyaṃ  
paccānāyitvāna<sup>12</sup> theriṃ sudubbalaṃ,  
vadesi<sup>13</sup> aññampi janaṃ idhāgataṃ  
karotha puññāni sukhūpalabbhati.<sup>14</sup>
350. Diṭṭhā mayā akatena sādhunā  
petā vihaññanti tatheva mānusa,<sup>15</sup>  
kammañca katvā sukhavedaniyaṃ  
devā manussā ca sukhe ṭhitā<sup>16</sup> pajā "ti.

## Suttapetavatthu ekādasamaṃ.

<sup>1</sup> adāsi - Syā.

<sup>2</sup> upasaṅkamma - Ma.

<sup>3</sup> vipulaphalūpalabbhati - Ma, PTS; vipulaṃ phalūpalabbhati - Syā.

<sup>4</sup> bahukā - Ma.

<sup>5</sup> pahūtavattā - Sī.

<sup>6</sup> vipākamanvyā - Syā.

<sup>7</sup> punad eva - Ma, Syā, PTS.

<sup>8</sup> man ti - Ma, Syā, PTS.

<sup>9</sup> tvaṃ - Syā.

<sup>10</sup> karissasī ti - Ma, Syā, PTS.

<sup>11</sup> punad eva - Ma.

<sup>12</sup> paccānāyitvāna punareva - Syā.

<sup>13</sup> vajjesi - Ma, Syā, PTS.

<sup>14</sup> sukhūpalabbhatī ti - Syā, PTS.

<sup>15</sup> manussā - Ma.

<sup>16</sup> subedhitā - Pu.

## 2. 11.

344. “Trước đây, thiếp đã dâng cúng chỉ sợi đến bậc xuất gia là vị tỳ khưu đã đi đến yêu cầu. Quả thành tựu của việc ấy là quả báu dồi dào được thành tựu, và nhiều *koṭi*<sup>1</sup> vải vóc được phát sanh đến thiếp.”

345. Thiên cung được rải rắc bông hoa, được vui sướng, có nhiều tranh vẽ, được các người nam người nữ lai vãng. Thiếp đây hưởng thụ và choàng đắp (vải vóc); có nhiều cửa cải và còn chưa đến lúc bị cạn kiệt.

346. Tiếp theo quả thành tựu của chính nghiệp ấy, sự an lạc và thoải mái được thành tựu ở nơi đây. Thiếp đây, sau khi đi đến cõi nhân loại thêm lần nữa, sẽ làm các việc phước thiện. Thưa công tử, hãy đưa thiếp về.”

347. “Nàng đã đến đây được bảy trăm năm. Ở nơi ấy, nàng sẽ là người già nua và trưởng thượng, hết thấy tất cả thân quyến của nàng đã từ trần. Nàng sẽ làm gì sau khi từ đây đi đến nơi ấy?”

348. “Thiếp đã đi đến nơi này chỉ mới bảy năm, thiếp đã có được sự an lạc của cõi trời. Thiếp đây, sau khi đi đến cõi nhân loại thêm lần nữa, sẽ làm các việc phước thiện. Thưa công tử, hãy đưa thiếp về.”

349. Sau khi đã nắm lấy nàng một cách chắc chắn ở cánh tay, vị ấy đã đưa nàng, (nay là) bà lão vô cùng yếu ớt, trở về (dặn rằng): “Nàng hãy nói với những người khác nữa đã đi đến đây rằng: ‘Quý vị hãy làm các việc phước thiện, sự an lạc (sẽ) được thành tựu.’”

350. Tôi đã nhìn thấy các vong nhân bị sầu khổ do không làm việc tốt lành, loài người cũng tương tự như vậy. Và sau khi tạo nghiệp đưa đến cảm thọ an lạc, chư Thiên và nhân loại là dòng dõi trụ vững trong sự an lạc.”

### **Chuyện Vong Nhân Dâng Chỉ Sợi là thứ mười một.**

---

<sup>1</sup> 1 *koṭi* tương đương 10 triệu.